TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Nguyễn Mai Độ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Quốc Đ**, sinh năm 199* (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Rạch Ch, phường Thới L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 199* (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Rạch Ch, phường Thới L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Nguyên vào năm 2010, anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Tr được gia đình hai bên tác hợp do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân phường Thới L số 174 ngày 12 tháng 10 năm 2010. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối tháng 7 năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm, nên thường xuyên cự cãi nhau, anh không thống nhất cho chị Tr đi làm để ở nhà chăm sóc con nhưng chị Tr không đồng ý. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, nên đã ly thân từ đó đến nay. Xét thấy không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay anh Đ xin được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 03/3/2011 (nam) và Nguyễn Thị Hoàng K, sinh ngày 15/4/2013 (nữ), do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 01/01/2019 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn-chị Nguyễn Thị Tr trình bày và yêu cầu như sau:

Thống nhất với lời trình bày của anh Đ về hôn nhân, cụ thể là quá trình chung sống, đến cuối tháng 7 năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn bất hòa về cách sinh hoạt gia đình do bên chồng khó khăn nhưng chồng chị không chia sẽ nên anh chị bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và đã ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm và không thể hàn gắn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 03/3/201* (nam) và Nguyễn Thị Hoàng K, sinh ngày 15/4/201* (nữ), do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng một con là Nguyễn Thị Hoàng K, còn Nguyễn Hoàng B chị đồng ý ổn định cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 cháu Nguyễn Hoàng B trình bày: Trường hợp anh Đ và chị Tr ly hôn thì cháu B có nguyện vọng sống với cha là Nguyễn Quốc Đ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bị đơn và được nuôi hai con tên Nguyễn Hoàng B và Nguyễn Thị Hoàng K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

- Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn, yêu cầu được nuôi một con là Nguyễn Thị Hoàng K, ổn định cho nguyên đơn nuôi Nguyễn Hoàng B và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung:

Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 10 năm 2010 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con". Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khu vực Rạch Ch, phường Thới L, quận Ô, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Tr chung sống và có đăng ký kết hôn số 174 ngày 12 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Thới L, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đúng quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm, thường xuyên cự cãi nhau, anh không thống nhất cho chị Tr đi làm để ở nhà chăm sóc con nhưng chị Tr không đồng ý, vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối tháng 7 năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm sóc đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Tr. Đồng thời chị Tr cũng đồng ý ly hôn với anh Đ. Xét thấy giữa các đương sự không còn muốn duy trì cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng của các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Cả hai thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị Tr.

[3] Về con chung: Các đương sự khai thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 03/3/201* (nam) và Nguyễn Thị Hoàng K, sinh ngày 15/4/201* (nữ), các cháu do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi hai con. Còn chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Hoàng K, ổn định cho anh Đ nuôi Nguyễn Hoàng B và hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời tại bản tự khai ngày 10/01/2019 cháu Nguyễn Hoàng B trình bày: Trường hợp anh Đ và chị Tr ly hôn thì cháu B có nguyện vọng sống với cha là Nguyễn Quốc Đ.

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con..."

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."

Căn cứ quy định trên thì cần phải được cân nhắc, đánh giá đầy đủ các quyền lợi của con chung anh, chị để giao con chung cho ai nuôi dưỡng bảo đảm việc học tập, giáo dục để phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân tốt cho xã hội. Xét về điều kiện kinh tế thì anh, chị đều trong độ tuổi lao động ai cũng có khả năng tạo ra thu nhập để nuôi con. Xét điều kiện nuôi con thì cháu Nguyễn Thị Hoàng K, sinh ngày 15/4/201* là nữ, tính đến nay đã hơn 05 tuổi. Do đó cần giao cháu Nguyễn Thị Hoàng K cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Hoàng B tiếp tục ổn định cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là tốt cho hai cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh Đ và chị Tr trình bày cũng như thừa nhận của các đương sự là hiện nay anh, chị có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con theo các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 55, 56; 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Trinh.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hoàng Kim, sinh ngày 15/4/2013 (nữ) cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục ổn định Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 03/3/201* (nam) cho anh Nguyễn Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ và chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Đ chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005712 ngày 30/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, anh Đ được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Tr chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- CC THADS Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Oanh